

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST
Ngày: 28- 9- 2022
V/v: Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tua

2/ Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2021/TLST– DS ngày 22 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 207/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Trương Thị H, sinh năm 1966 (có mặt)

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã D, huyện V, tỉnh H.

2. Bị đơn:

- Anh Ngô Phương T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện V, tỉnh H.

- Chị Dương Thị Mỹ X, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ ấp N, xã M, huyện V, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông với anh Ngô Phương T quen biết qua người quen giới thiệu. Do đó, ông cùng vợ là bà Trương Thị H có cho anh Ngô Phương T vay số tiền là 100.000.000 đồng và có viết hợp đồng ngày 16/8/2016. Tiền cho vay là của chung vợ chồng và do hai vợ chồng ông cùng đưa cho anh T tại nhà ông, thỏa thuận hợp đồng vay 06 tháng, lãi suất 3%/tháng. Sau 06 tháng, anh T có trả lãi đủ và tiếp tục trả lãi đến ngày 10/05/2017 là 24.000.000đ. Tiếp đó gia hạn hợp đồng thêm 06 tháng kể từ ngày 11/5/2017. Từ ngày gia hạn cho đến nay anh T không trả vốn và lãi.

Ngày 12/11/2021, ông khởi kiện bổ sung người bị kiện là vợ của anh Ngô Phương T có họ tên là Dương Thị Mỹ X. Lý do bổ sung đơn khởi kiện do anh T vay nợ trong thời kỳ hôn nhân với chị X. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay nên ông và vợ cùng yêu cầu anh Ngô Phương T và chị Dương Thị Mỹ X cùng có trách nhiệm trả số tiền vay 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày gia hạn hợp đồng đến khi kết thúc vụ kiện. Đối với tiền lãi đã nhận ông đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn H và bà có cùng ý kiến với ông H trong vụ án này.

Đối với bị đơn anh Ngô Phương T và chị Dương Thị Mỹ X, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng anh Ngô Phương T và chị Dương Thị Mỹ X đều vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật; Về ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay và trả lãi theo quy định; Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

- Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

Vấn đề các đương sự thỏa thuận được và không thỏa thuận được: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Vào ngày 16/8/2016, giữa nguyên đơn bà Trương Thị H và bị đơn anh Ngô Phương T có ký kết hợp đồng vay tiền, trong quá trình thực hiện hợp đồng đã phát sinh tranh chấp, nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền vay và lãi. Các bị đơn cư trú tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Anh Ngô Phương T và chị Dương Thị Mỹ X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Áp dụng pháp luật về nội dung: Hợp đồng vay tiền giữa các bên được xác lập vào ngày 16/8/2016, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 và năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

[4] Về nội dung khởi kiện:

[4.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị H yêu cầu bị đơn anh Ngô Phương T trả lại nợ gốc là 100.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày gia hạn hợp đồng cho đến ngày xét xử. Đến ngày 12/11/2021, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu anh Ngô Phương T và vợ là chị Dương Thị Mỹ X cùng có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày gia hạn hợp đồng đến ngày xét xử. Bị đơn chị X là vợ hợp pháp của anh T, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay nợ đã xảy ra tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu cả hai vợ chồng bị đơn cùng có trách nhiệm trả nợ gốc lãi. Đơn khởi kiện bổ sung được đưa ra trước ngày mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71,

khoản 2 Điều 210, Điều 243 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện.

[4.2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản gốc “Hợp đồng vay mượn tiền” ngày 16/8/2016. Hợp đồng có hình thức và nội dung rõ ràng nhưng do các bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn anh T vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về cũng không rõ địa chỉ cư trú mới nên nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án yêu cầu cơ quan chuyên môn giám định chữ ký anh Ngô Phương T trong “Hợp đồng vay mượn tiền” ngày 16/8/2016. Ngày 25/4/2022, Tòa án ban hành quyết định trưng cầu giám định số 109/2022/QĐ-TCGD trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an thực hiện giám định: Chữ viết và chữ ký của anh Ngô Phương T trong “Hợp đồng vay mượn tiền” ngày 16/8/2016 với chữ viết và chữ ký của anh Ngô Phương T trong “Hợp đồng lao động” số: 03/2013/HĐLĐ-LPB.SGD ngày 02/5/2013 của Ngân hàng Thương mại cổ phần B có phải do một người viết và ký không. Ngày 19/8/2022, Viện khoa học hình sự Bộ Công an ra Kết luận số: 213/KL-KTHS, Kết luận về đối tượng giám định: *“Chữ ký, chữ viết đứng tên Ngô Phương T trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Ngô Phương T trên mẫu so sánh ký hiệu M do cũng một người viết ra”*. “Hợp đồng vay mượn tiền” ngày 16/8/2016 có ghi rõ bên vay là anh Ngô Phương T, sinh năm 1996, có địa chỉ tại ấp C, xã B, huyện V, tỉnh H., chứng minh nhân dân số XXXXXX được Công an Hậu Giang cấp ngày 20/11/2012 là cùng thông tin cá nhân với người lao động trong “Hợp đồng lao động” số: 03/2013/HĐLĐ-LPB.SGD ngày 02/5/2013 của Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Do đó, căn cứ vào Kết luận giám định số: 213/KL-KTHS ngày 19/8/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an có cơ sở để khẳng định giữa bà H và anh T có xác lập “Hợp đồng vay mượn tiền” ngày 16/8/2016 với số tiền là 100.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4.3] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo địa chỉ của anh T trong “Hợp đồng vay mượn tiền” ngày 16/8/2016 nhưng anh T vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về cũng không rõ địa chỉ cư trú mới nên Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Trích lục kết hôn số: 134/TLKH-BS ngày 24/3/2022 thì anh T và chị X xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) ngày 09/5/2014. Do đó, anh T và

chị X là vợ chồng hợp pháp nên tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của anh chị được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Bên cạnh đó, số tiền anh T vay của bà H là số tiền lớn được vay trong thời kỳ hôn nhân, nguyên đơn xác định là nợ chung của vợ chồng bị đơn, phía bị đơn chị X dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh là nợ chung hay riêng của vợ chồng nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Nên căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân để đảm bảo nghĩa vụ đối với người thứ ba. Do đó, nguyên đơn yêu cầu cả hai vợ chồng bị đơn cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ. Trường hợp anh T và chị X có tranh chấp về xác định tài sản vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định theo quy định.

[5] Về lãi suất:

[5.1] Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày gia hạn tiền vay (ngày 11/05/2017) cho đến ngày xét xử. Do “Hợp đồng vay mượn tiền” ngày 16/8/2016 có nội dung lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không xác định rõ lãi suất nên căn cứ Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước quy định “mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm” và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tiền lãi được tính như sau: Tiền lãi = Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả ($100.000.000đ \times 9\%/năm \times$ thời gian vay từ ngày 11/05/2017 đến ngày 11/11/2017) + Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả ($100.00.000đ \times 9\%/năm \times$ thời gian từ ngày 12/11/2017 đến ngày 28/9/2022) = 48.425.000đ.

[5.2] Nguyên đơn thừa nhận có nhận của bị đơn 24.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 16/8/2016 đến ngày 10/05/2017, đối chiếu với quy định pháp luật thì đây là tiền lãi vượt quá quy định mà bị đơn đã đóng nên cần trừ lại cho bị đơn. Số tiền lãi theo quy định pháp luật được tính từ ngày 16/08/2016 đến ngày 10/05/2017 = ($100.000.000đ \times 0.75\%/tháng \times$ thời gian từ ngày 16/08/2016 đến ngày 10/05/2017) = 6.600.000đ. Do đó, tiền lãi vượt quá quy định mà bị đơn đã đóng cần trừ lại là 24.000.000đ – 6.600.000đ = 17.400.000đ. Sau khi trừ đi số tiền lãi vượt quá quy định mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn thì số tiền lãi còn lại là 31.025.000đ.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 5.500.000đ, nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên phía bị đơn phải nộp chi phí giám định. Do đó, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn chi phí giám định này. Việc giao trả được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định và nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 210, các Điều 91, 92, 147, 160, 161, 162, 177, 179, 227, 228, 243, 244, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn H.

Buộc bị đơn anh Ngô Phương T và chị Dương Thị Mỹ X có nghĩa vụ trả nguyên đơn bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc lãi là 131.025.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 100.000.0000 đồng (một trăm triệu đồng), nợ lãi là 31.025.000 đồng (ba mươi một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Ngô Phương T và chị Dương Thị Mỹ X phải nộp số tiền là 6.551.250 đồng (sáu triệu năm trăm năm mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002508, ngày 22/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Ngô Phương T và chị Dương Thị Mỹ X có nghĩa vụ hoàn trả lại nguyên đơn bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn H chi phí giám định là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng), việc hoàn trả được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang).

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Quyền Trân

